

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/10/2021

“Về việc: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Th

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Th- Bà Nguyễn Thị Xuân O

Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Hải Y - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 về tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/09/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐ-HPT ngày 29/09/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Trọng T - sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: khối 14, phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: chị Lưu Thị L- sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: khối 14, phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: số 50 Nguyễn Phong Sắc, phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Trọng Ttrình bày: anh Phan Trọng Tvà chị Lưu Thị L đến với nhau tự nguyện, có tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/10/2005 tại UBND xã Hồng Thuận, huyện Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Anh T xét thấy tính cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Lành.

Về quan hệ con chung: Vợ, chồng thống nhất có 02 con chung Phan Lưu Thanh L, sinh ngày 01/10/2006 và Phan Lưu Thanh Ph, sinh ngày 24/09/2010. Ly hôn anh T theo nguyện vọng các con, anh nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lưu Thanh Ph và chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lưu Thanh L.

Về Tài sản: anh Phan Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị L theo qui định của pháp luật nhưng chị vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định..Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 226 BLTTDS

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Trọng Tài.

Xử cho anh Phan Trọng T được ly hôn với chị Lưu Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh Phan Trọng T và chị Lưu Thị L có 02 con chung Phan Lưu Thanh L, sinh ngày 01/10/2006 và Phan Lưu Thanh Ph, sinh ngày 24/09/2010. Giao cháu Phan Lưu Thanh Ph cho anh Phan Trọng T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Lưu Thanh L cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về quan hệ Tài sản: anh Phan Trọng T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: anh Phan Trọng T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình bị đơn chị Lưu Thị L. Sinh năm 1983. Địa chỉ: khối 14, phường N, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Thành phố Vinh thụ lý giải quyết đúng theo qui định của khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 BTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Lưu Thị L theo qui định của pháp luật nhưng chị L vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết nên vụ án. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Trọng T và chị Lưu Thị L đến với nhau tự nguyện, có tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/10/2005 tại UBND xã Hồng Thuận, huyện Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân của anh T và chị L trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết nên hiện tại anh và chị L đã sống ly thân. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị L.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã kéo dài thời gian hòa giải để anh T, chị L có thời gian suy nghĩ và giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên giữa anh T, chị L vẫn không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã nhiều lần thông chị L đến hòa giải nhưng chị L vẫn không có mặt tại Tòa án để hòa giải. Như vậy chứng tỏ tình trạng đời sống chung của anh T, chị L đã thực sự trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phan Trọng T được ly hôn chị Lưu Thị L.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Phan Trọng T và chị Lưu Thị L có 02 con chung Phan Lưu Thanh L, sinh ngày 01/10/2006 và Phan Lưu Thanh Ph, sinh ngày 24/09/2010. Quá trình hòa giải anh T trình bày đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, anh mong muốn tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của các cháu.

Tuy nhiên chị L quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, trên cơ sở nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện hiện tại cháu Phan Lưu Thanh Ph đang ở với anh T và cháu cũng có nguyện vọng ở với bố nên giao cháu Ph cho anh T cho chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Phan Lưu Thanh L đang ở với chị L và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu L cho chị L cho chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Phan Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: anh Phan Trọng T phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Trọng T

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Trọng T được ly hôn với chị Lưu Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh Phan Trọng T và chị Lưu Thị L có 02 con chung Phan Lưu Thanh L, sinh ngày 01/10/2006 và Phan Lưu Thanh Ph, sinh ngày 24/09/2010. Giao cháu Phan Lưu Thanh Ph cho anh Phan Trọng T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Lưu Thanh L cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí: anh Phan Trọng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000662 ngày 31/05/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- UBND xã Đức Thuận, H.Hồng Lĩnh (GCNKH số 3719/10/2005)
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

